

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt dự toán kinh phí phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để giải phóng mặt bằng dự án Hồ chứa nước Đồng Mít

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Thông tư số 74/2015/TT-BTC ngày 15/5/2015 của Bộ Tài chính về việc Quy định việc lập dự toán, sử dụng và quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 1776/QĐ-UBND ngày 22/5/2017 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định mức chi phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để giải phóng mặt bằng đối với các dự án, công trình trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 5273/QĐ-UBND ngày 25/12/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc kiện toàn Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, dự án Hồ chứa nước Đồng Mít;

Căn cứ các Quyết định: số 546/QĐ-UBND; số 545/QĐ-UBND; số 544/QĐ-UBND; số 543/QĐ-UBND; số 542/QĐ-UBND; số 541/QĐ-UBND ngày 09/02/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt phương án giá trị bồi thường, hỗ trợ để giải phóng mặt bằng dự án Hồ chứa nước Đồng Mít (đợt 25-30);

Theo Quyết định số 05/QĐ-HĐBT ngày 28/12/2020 của Hội đồng bồi thường hỗ trợ và tái định cư về việc thành lập Tổ công tác giúp việc Hội đồng bồi thường hỗ trợ và tái định cư để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Hồ chứa nước Đồng Mít;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 136/TTr-STC ngày 15/3/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự toán kinh phí phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để GPMB dự án Hồ chứa nước Đồng Mít cho Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT với số tiền là: **460.663.000 đồng** (Bốn trăm sáu mươi triệu, sáu trăm sáu mươi ba ngàn đồng chẵn), chi tiết như phụ lục kèm theo.

Khoản kinh phí nêu trên được chi từ nguồn 2% kinh phí phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để GPMB thực hiện dự án Hồ chứa nước Đồng Mít, huyện An Lão, tỉnh Bình Định.

Điều 2. Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT có trách nhiệm sử dụng và quyết toán khoản kinh phí nêu trên theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Giám đốc Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- PVP NN;
- Lưu: VT, K10

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)

ĐVT: đồng

STT	Nội dung chi	Tổng số	Trong đó:						Ghi chú
			Quyết định số 546/QĐ-UBND ngày 09/02/2021 (đợt 25)	Quyết định số 545/QĐ-UBND ngày 09/02/2021 (đợt 26)	Quyết định số 544/QĐ-UBND ngày 09/02/2021 (đợt 27)	Quyết định số 543/QĐ-UBND ngày 09/02/2021 (đợt 28)	Quyết định số 542/QĐ-UBND ngày 09/02/2021 (đợt 29)	Quyết định số 541/QĐ-UBND ngày 09/02/2021 (đợt 30)	
	TỔNG SỐ	460.663.000	6.065.000	150.268.000	16.688.000	205.234.000	76.094.000	6.314.000	
1	Chi tuyên truyền các chính sách, chế độ về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; tổ chức vận động các đối tượng liên quan thực hiện quyết định thu hồi đất	34.700.000		12.000.000	700.000	14.000.000	8.000.000		
2	Chi phí kiểm kê, đánh giá giá trị tài sản bị thiệt hại	47.115.000	3.615.000	12.300.000	4.875.000	15.500.000	7.210.000	3.615.000	
3	Chi phí lập, phê duyệt liên quan đến công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng và công khai phương án bồi thường	32.300.000	1.350.000	7.200.000	2.550.000	12.650.000	7.200.000	1.350.000	
4	Chi phí thẩm định phương án bồi thường và thẩm định dự toán, quyết toán chi phí phục vụ công tác bồi thường, GPMB	13.818.000	182.000	4.508.000	500.000	6.156.000	2.282.000	190.000	
4.1	<i>Chi phí thẩm định dự toán, quyết toán chi phí P/V công tác GPMB</i>	<i>13.818.000</i>	<i>182.000</i>	<i>4.508.000</i>	<i>500.000</i>	<i>6.156.000</i>	<i>2.282.000</i>	<i>190.000</i>	
5	Chi bồi dưỡng cho các thành viên Hội đồng và tổ công tác tham gia các cuộc họp thông qua phương án, giải quyết vướng mắc và các công việc liên quan đến bồi thường GPMB	25.200.000		7.000.000	2.200.000	10.000.000	6.000.000		
6	Chi phục vụ kiểm tra, hướng dẫn thực hiện chính sách giải quyết những vướng mắc trong công tác bồi thường và tổ chức thực hiện chi trả bồi thường	17.500.000	600.000	4.700.000	1.200.000	6.500.000	3.800.000	700.000	
7	Chi thuê văn phòng, trang thiết bị làm việc của tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường và cơ quan thẩm định (nếu có)	15.000.000		5.000.000		6.000.000	4.000.000		
8	Chi in ấn, phô tô tài liệu văn phòng phẩm và xăng xe	32.000.000		11.000.000	2.000.000	12.000.000	7.000.000		
9	Chi thuê nhân công lao động phục vụ công tác GPMB, hỗ trợ và tái định cư	128.800.000		43.800.000		65.500.000	19.500.000		
10	Chi phí khác	114.230.000	318.000	42.760.000	2.663.000	56.928.000	11.102.000	459.000	
10.1	<i>Chi phụ cấp kiêm nhiệm</i>	<i>81.500.000</i>		<i>32.600.000</i>		<i>44.700.000</i>	<i>4.200.000</i>		
10.2	<i>Chi khác liên quan đến công tác GPMB (nước uống, cọc tre, sơn, thuốc, cước phí bưu chính, công cụ dụng cụ, ngoài giờ công tác quyết toán dự án, các cuộc họp khác...)</i>	<i>32.730.000</i>	<i>318.000</i>	<i>10.160.000</i>	<i>2.663.000</i>	<i>12.228.000</i>	<i>6.902.000</i>	<i>459.000</i>	

Ghi chú:

- Khi thanh toán tiền bồi dưỡng đi hiện trường phải có bảng chấm công.
- Khi thuê mướn phải có hợp đồng cụ thể
- Khi thanh toán các khoản chi phí khác phải có hóa đơn, chứng từ hợp lệ.
- Thành viên Tổ công tác đã được thanh toán công tác phí tại dự toán này không tiếp tục thanh toán tại cơ quan, đơn vị đang công tác.